TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1183/2022/QĐST- HNGĐ	*T, ngày 21 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

Căn cứ vào các Điều 212, 361, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1062/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn C, sinh năm 19XX,

2. Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 19,

Cùng địa chỉ: 2A L, phường P, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Nguyễn C thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của bà D và ông C ghi trong bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà D và ông C.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Nguyễn C khai có hai con chung tên Nguyễn Diễm Na L, sinh ngày XX/XX/20XX và Nguyễn Quốc H, sinh ngày XX/XX/20XX. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận bà Nguyễn Thị Thúy D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông C do bà D không yêu cầu.

Xét thấy việc thỏa thuận về con chung của bà D và ông C phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Nguyễn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Nguyễn C khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Nguyễn C thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 214, ngày 28/01/2004 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh V chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Diễm Na L, sinh ngày XX/XX/20XX và Nguyễn Quốc H, sinh ngày XX/XX/20XX. Bà Nguyễn Thị Thúy D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông C do bà D không yêu cầu.

Trong trường hợp bà D không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Ông C và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông C và bà D khai không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị Thúy D nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0036489 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Ông C và bà D đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N